

Số: 104/TB-MNVH

Quận 8, ngày 30 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc hoàn trả tiền thừa cho học sinh
Năm học 2024-2025

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-GDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 về việc ban hành quy trình chi trả tiền ăn cho học sinh nghỉ học đối với các trường có tổ chức bán trú;

Căn cứ Căn cứ Biên bản họp Ban đại diện Cha mẹ học sinh ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc thống nhất đề xuất mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác năm học 2024-2025.

Trường Mầm non Vườn Hồng tiến hành hoàn trả tiền thừa trong năm học 2024-2025 cho phụ huynh học sinh như sau:

- Đối tượng: Cha mẹ học sinh (hoặc người giám hộ) có con em học tại Trường Mầm non Vườn Hồng trong năm học 2024-2025 đã nghỉ học trong thời điểm từ 01/5/2025 đến 31/5/2025 (Đính kèm danh sách).

- Nội dung hoàn trả:

+ Tiền suất ăn trưa bán trú: 35.000 đồng/ngày

+ Tiền suất ăn sáng: 11.500 đồng/ngày

+ Tiền nước uống: 4.500 đồng

+ Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng: 22.000 đồng

+ Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng; Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú: Hoàn trả theo số ngày học sinh nghỉ học (Đính kèm danh sách)

- Hình thức hoàn trả: Chuyển khoản theo thông tin phụ huynh đã đăng ký.

- Thời gian hoàn trả: Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 05/06/2025.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- CB-GV-NV đơn vị;
- PHHS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Ngọc Hiền



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
THỎ NGỌC

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Phạm Thiên Bảo	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI DIEM SUONG	Mẹ	
02	Trần Quang Hiếu	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	VO THI THU THAM	Mẹ	
03	Nguyễn Xuân Huy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LY THI CAM DOAN	Mẹ	
04	Hồ Gia Khiêm	6	0	210.000	-	4.500			22.000		236.500	HA THI TUYEN	Mẹ	
05	Nguyễn Lê Anh Khoa	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE THI TRUC MY	Mẹ	
06	Lữ Hoàng Minh Khôi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI HOANG LINH	Mẹ	
07	Nguyễn Anh Khôi	4	3	140.000	34.500	4.500			22.000		201.000	NGUYEN THI HONG DUNG	Mẹ	
08	Lê Huỳnh Khánh Ngân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HUYNH THI BAY	Mẹ	
09	Nguyễn Hoàng Ngân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HO LAM TUYET NGA	Mẹ	
10	Phạm Ngọc Kim Ngân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI MY LINH	Mẹ	
11	Ngô Bảo Ngọc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DOAN THI NGOC THAO	Mẹ	
12	Trần Quỳnh Nhi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN NGOC TUAN	Cha	
13	Lê Thiên Phước	4	3	140.000	34.500	4.500			22.000		201.000	TRAN NGOC CHAU	Mẹ	
14	Mai Ngọc Trúc Phương	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAM VO MY LE	Mẹ	
15	Bùi Trần Trọng Quân	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	TRAN THI THANH BINH	Mẹ	
16	Hồ Hoàng Quân	10	8	350.000	92.000	4.500	85.000	165.000	22.000		718.500	HOANG VAN TU	Mẹ	Học 10/20 ngày, hoàn trả 50% tiền
17	Lê Nguyễn Minh Vy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN BICH NGOC	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
NAI BI

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Võ Liên An	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	VO HONG SINH	Mẹ	
02	Hứa Ngọc Hân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HUA MINH THAO	Mẹ	
03	Nguyễn Thanh Bảo Khang	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THANH VAN	Cha	
04	Phạm Viết Gia Khang	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI KIEU TRINH	Mẹ	
05	Lý Huy Khiêm	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI XUAN TAM	Mẹ	
06	Lê Minh Khôi	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN THI THU HONG	Mẹ	
07	Phạm Trần Minh Khôi	3	3	105.000	34.500	4.500			22.000		166.000	TRAN THI MAN NHI	Mẹ	
08	Nguyễn Vũ Thiên Kim	3	3	105.000	34.500	4.500			22.000		166.000	VO THI BICH TRAM	Mẹ	
09	Cao Nhật Minh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VAN THI MY DIEU	Mẹ	
10	Lê Trần Thanh Ngọc	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	LE TRAN YEN NHI	Mẹ	
11	Lê Danh Ánh Nguyệt	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	DANH THI BICH NGAN	Mẹ	
12	Phạm Chính Nhật	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	PHAM MINH HIEN	Cha	
13	Diệp Ngọc Như	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	PHAM THI THANH THAO	Mẹ	
14	Đồng Hà Gia Phúc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HA NGOC DOAN TRANG	Mẹ	
15	Nguyễn Hoàng Phúc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI KIEU OANH	Mẹ	
16	Nguyễn Võ Minh Quân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO THI THUY SANG	Mẹ	
17	Đồng Ngọc Thanh Tâm	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI THANH HIEN	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
MẦM 1

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Lê Nguyễn Khả Ân	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN TUYET NHI	Mẹ	
02	Nguyễn Hoàng Thiên Ân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN MAI PHUONG TUYEN	Mẹ	
03	Phạm Quỳnh Anh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	BUI PHAM MINH NGOC	Mẹ	
04	Trương Quân Bảo	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE NGOC THIEN LY	Mẹ	
05	Nguyễn Linh Đan	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN THI PHUONG THAO	Mẹ	
06	Phạm Khánh Đan	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI NGOC	Mẹ	
07	Trương Minh Đạt	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI THUY LIEN	Mẹ	
08	Ngô Tuấn Du	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TO THI KIEU TRANG	Mẹ	
09	Trương Anh Dũng	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO CAO TUONG VY	Mẹ	
10	Đinh Ngọc Ánh Dương	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	GIANG THI HONG PHUONG	Mẹ	
11	Nguyễn Quang Duy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE THI HAI YEN	Mẹ	
12	Nguyễn Khả Hân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LY THI CAM DOAN	Mẹ	
13	Trần Tuấn Khải	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN THI NGUYET	Mẹ	
14	Vì Bảo Khang	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	TRAN THI THUONG THUY	Mẹ	
15	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN VAN THANG	Mẹ	
16	Huỳnh Ngọc Chi Linh	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGO NGOC DIEU	Mẹ	
17	Trần Nguyễn Quang Minh	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN THI MAI LINH	Mẹ	
18	Nguyễn Hoàn Mỹ	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THANG TRONG	Mẹ	
19	Phạm Lê Hoàng Nam	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE PHAN HA THU	Mẹ	
20	Trần Bảo Quyên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI KIM DUYEN	Mẹ	
21	Phan Thụy Anh Thư	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	DO THI TUYET ANH	Mẹ	
22	Nguyễn Võ Hồng Trâm	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THANH TAM	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

11/10/2025



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
MẦM 2

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Vũ Khánh An	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI HONG SEN	Mẹ	
02	Ngô Kiều Anh	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGO NGUYEN HUYNH NHU	Mẹ	
03	Nguyễn Ngọc Mai Anh	0	0	-	-	4.500			22.000	63.000	89.500	NGUYEN DUC PHONG	Cha	
04	Lâm Chí Đình	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LAM NGOC DUC	Cha	
05	Trần Khả Hân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN UT BE	Cha	
06	Nguyễn Thái Hòa	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO THI HOANG ANH	Mẹ	
07	Trần Trí Khang	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TANG THAO VY	Mẹ	
08	Ngô Hồng Bảo Khánh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGO HONG DUC HIEU	Cha	
09	Trần Phan Trung Khánh	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	PHAN TRAN PHUONG TRINH	Mẹ	
10	Huỳnh Tuấn Khôi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LAM THI NGOC TUYEN	Mẹ	
11	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN CHI THIEN	Cha	
12	Đỗ Thành Lộc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DUONG THANH HIEU	Mẹ	
13	Trần Hoàng Bảo Long	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRUONG HONG THAO	Cô	
14	Du Huê Mỹ	4	4	140.000	46.000	4.500			22.000		212.500	TRUONG THI HANG QUYEN	Mẹ	
15	Phương Xuân Nghi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN VAN TAM	Cậu	
16	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE THI LIEN	Bà	
17	Tăng Trần Tuệ Nhi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN KIM HUONG	Mẹ	
18	Trần Hồng Phúc	7	0	245.000	-	4.500			22.000		271.500	NGUYEN THI MINH THU	Mẹ	
19	Trần Ngọc Nhã Quỳnh	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	TRAN THI THU THANH	Mẹ	
20	Nguyễn Vũ Quỳnh Thư	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN VAN DANH	Cha	
21	Đào Đình Trọng	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	TRAN THI THUY TRANG	Mẹ	
22	Nguyễn Đức Trường	6	0	210.000	-	4.500			22.000		236.500	DANG THI THOM	Mẹ	
23	Ngô Nguyễn Nhã Uyên	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN TRAN THI ANH DAO	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
MẦM 3

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Bùi Ngọc Minh Anh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DOAN THI HUYEN TRANG	Mẹ	
02	Nguyễn Quỳnh Thạch Anh	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	DANG HUYNH NHU	Mẹ	
03	Trần Nguyễn Tùng Anh	5	3	175.000	34.500	4.500			22.000		236.000	NGUYEN THI MINH TRANG	Mẹ	
04	Nguyễn Lê Minh Chí	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE THI HANH DUNG	Mẹ	
05	Nguyễn Thành Đạt	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN THI XUAN DIEU	Mẹ	
06	Nguyễn Ngọc Gia Hân	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	PHAN THI LAI	Mẹ	
07	Cù Lê Nguyễn Khang	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	CU TAN KHAI	Cha	
08	Mai Anh Khoa	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	CAO THI HA XUYEN	Mẹ	
09	Lê Phúc Lộc	4	3	140.000	34.500	4.500			22.000		201.000	TRAN NGOC CHAU	Mẹ	
10	Hà Khánh My	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	LE TRUONG NHAN AI	Mẹ	
11	Ngô Diệp Ánh Nguyệt	7	0	245.000	-	4.500			22.000		271.500	TRAN THI BE HAI	Bà Nội	
12	Nguyễn Minh Nhật	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN VAN CUONG	Cha	
13	Ngô Nguyễn Ngọc Như	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN THI KIM HONG	Mẹ	
14	Trịnh Khả Như	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRINH QUOC THANH	Cha	
15	Đinh Hoàng Minh Thảo	10	0	350.000	-	4.500	85.000	165.000	22.000		626.500	LE THI KIM LOAN	Mẹ	Học 10/20 ngày, hoàn trả 50% tiền
16	Nguyễn Ngọc An Thiên	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THI TUYET	Mẹ	
17	Đặng Thanh Thiện	5	4	175.000	46.000	4.500			22.000		247.500	NGUYEN THI QUYNH NHU	Mẹ	
18	Trần Minh Thư	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI MY XUYEN	Mẹ	
19	Đinh Cát Tiên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI THANH	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
MẦM 4

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Nguyễn Phan Minh Anh	0	0	-	-	4.500			22.000	150	26.650	NGUYEN THANH SANG	Cha	
02	Nguyễn Khánh Đăng	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN HONG KHANH	Cha	
03	Hồ Minh Đạt	12	7	420.000	80.500	4.500	85.000	165.000	22.000		777.000	NGO THI KIM THOA	Mẹ	Học 08/20 ngày, hoàn trả 50% tiền PV
04	Hà Ngọc Gia Hân	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN THANH THUY	Mẹ	
05	Võ Hoàng Gia Huy	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THI HONG HANH	Mẹ	
06	Hoàng Bảo Khang	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN THI THU LOAN	Mẹ	
07	Ngô Minh Khang	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI THUY TRANG	Mẹ	
08	Trần Bảo Khang	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	DUONG THI MY XUAN	Mẹ	
09	Nguyễn Anh Khôi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN TUAN ANH	Cha	
10	Nguyễn Hoàng Gia Minh	9		315.000		4.500			22.000		341.500	NGUYEN THI BICH VAN	Mẹ	T5 nghỉ, T4 nghỉ 9 ngày ăn trưa
11	Hồng Bửu Nghi	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE KIM TIEN	Mẹ	
12	Trần Hồ Bảo Ngọc	2		70.000		4.500			22.000		96.500	TRAN UY CHUONG	Cha	T4-5 nghỉ, T3 nghỉ 2 ngày ăn trưa
13	Trần Ngọc Mẫn Nhi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HO THI KIM NGOC	Mẹ	
14	Nguyễn Minh Nhựt	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI KIEU LINH	Mẹ	
15	Đào Minh Quân	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	TRAN THI BAO NGOC	Mẹ	
16	Trần Kim Tuệ Tâm	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	TRAN TRONG TIN	Cha	
17	Mai Đỗ Ngọc Thúy	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	MAI TAN TOI	Cha	
18	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THI MAI KA	Mẹ	
19	Trương Hoàng Minh Trí	7	0	245.000	-	4.500			22.000		271.500	TRUONG VAN TUAN DAT	Cha	
20	Huỳnh Minh Triển	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	VO THI TRUC MAI	Mẹ	
21	Lê Trí Vy	11	0	385.000	-	4.500	85.000	165.000	22.000		661.500	TRAN NGOC TU UYEN	Mẹ	Học 09/20 ngày, hoàn trả 50% tiền PV

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
PHƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
CHỖ 1

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/ 01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/ 01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Nguyễn Cát Thiên An	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN THI THANH MAI	Mẹ	
02	Phạm Hải An	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	PHAN THI NGOC HIEU	Mẹ	
03	Võ Thiên An	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	NGUYEN THI HIEN	Mẹ	
04	Hoàng Lê Nhã Ánh	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	HOANG ANH TUAN	Cha	
05	Đỗ Thành Đạt	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	TRAN THI THANH HUYEN	Mẹ	
06	Ngô Anh Điền	0		-		4.500			22.000		26.500	NGO ANH VU	Cha	
07	Phạm Kỳ Duyên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HUYNH THI THUY TIEN	Mẹ	
08	Nguyễn Tú Hồng Hà	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN DON TUAN TU	Cha	
09	Nguyễn Ngọc Gia Hân	0	0	-	-	4.500			22.000	44.000	70.500	NGUYEN THI THUY NGOC	Mẹ	
10	Phạm Trọng Hiếu	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	BUI THI MY LINH	Mẹ	
11	Võ Phúc Hưng	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO CHI THANH	Cha	
12	Lê Gia Huy	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	LE THI NGOC DIEM	Mẹ	
13	Nguyễn Minh Khôi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LAI MINH HIEN	Mẹ	
14	Đào Mai Thiên Kim	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	TRAN THI BAO NGOC	Mẹ	
15	Đinh Trần Minh Lâm	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DINH THANH TUNG	Cha	
16	Trịnh Nguyễn Mỹ Liên	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	NGUYEN THI NGOC THAO	Mẹ	
17	Võ Cát Mi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGO THI TUYET LAN	Mẹ	
18	Trần Đăng Minh	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THI KIM ANH	Mẹ	
19	Nguyễn Phúc Ngân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI MY TIEN	Mẹ	
20	Nguyễn Ngọc Bảo Nghi	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	NGUYEN THI THU THUY	Mẹ	
21	Danh Kim Ngọc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRUONG THI THUY HANG	Mẹ	
22	Lã Quốc Nhật	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE TRINH HOAI LINH	Mẹ	
23	Bùi Linh Nhi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HUYNH PHUONG UYEN	Mẹ	
24	Lê Huỳnh An Nhiên	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	HUYNH NGUYEN PHUONG ANH	Mẹ	
25	Trần Lưu Thái Phong	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LUU HONG NGOC	Mẹ	
26	Nguyễn Thiên Phú	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRINH TANG THI MINH THU	Mẹ	
27	Đỗ Thị Ngọc Phụng	7	0	245.000	-	4.500			22.000		271.500	DO THI BE HIEN	Mẹ	
28	Trần Ngọc Thảo Tiên	6	0	210.000	-	4.500			22.000		236.500	TRAN MINH HAI	Cha	
29	Võ Trần Như Ý	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI HUE NHU	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG





ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỞNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
CHỖI 2

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Nguyễn Ngọc Nhiên An	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	BUIBAO ANH	Mẹ	
02	Nguyễn Vũ Thiên Ân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO THI BICH TRAM	Mẹ	
03	Kim Tú Anh	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	PHAN BAO NGUYEN	Mẹ	
04	Lê Ngọc Bảo Châu	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAN THI THANH TRUC	Mẹ	
05	Nguyễn Trường Hải	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THI THANH THUY	Mẹ	
06	Đào Gia Hân	1	0	35.000		4.500			22.000		61.500	DAO DINH GIANG	Cha	
07	Trần Quang Hậu	6	0	210.000	-	4.500			22.000		236.500	VO THI THU THAM	Mẹ	
08	Phạm Gia Hưng	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI BICH LIEN	Mẹ	
09	Đỗ Bảo Khang	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DO NGOC HIEU	Cha	
10	Nguyễn Thanh Bảo Long	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THANH VAN	Cha	
11	Nguyễn Phương Ngân	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN THI PHUONG QUYEN	Mẹ	
12	Nguyễn Lê Trí Nhân	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN MINH TRAN	Cha	
13	Lương Trần Minh Nhật	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LUONG MINH KHOA	Cha	
14	Lê Thảo Nhi	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE QUANG HUNG	Cha	
15	Trần An Nhiên	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRINH THANH THUY	Mẹ	
16	Phan Trọng Phát	2	2	70.000	23.000	4.500			22.000		119.500	PHAN DUC TRONG	Cha	
17	Lý Huy Phong	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI XUAN TAM	Mẹ	
18	Đặng Hòa Gia Phúc	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	DOAN THI NHU THUY	Mẹ	
19	Gín Mai Thiên Phúc	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	VO DUONG NGOC GIA DAN THANH	Mẹ	
20	Đặng Trần Đông Quân	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI YEN NGOC	Mẹ	
21	Bùi Ngọc Khánh Quỳnh	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	CU THI NGOC TRAM	Mẹ	
22	Nguyễn Ngọc Tuyết Sang	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	PHAN THI HONG THAM	Mẹ	
23	Trần Ngọc Minh Triết	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	TRAN THI BICH NHUNG	Mẹ	
24	Nguyễn Quỳnh Nhã Trúc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO THI QUYNH TO	Mẹ	
25	Nguyễn Minh Trường	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	LE THI TUYET	Mẹ	
26	Hồ Sơn Tuyền	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	SON THI MA RY	Mẹ	
27	Phan Tú Uyên	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LIEU THI NGOC TRAM	Mẹ	
28	Trần Quỳnh Vy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN NGOC TUAN	Cha	
29	Nguyễn Khánh Ngọc	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	CAO THI TUYET DIEM	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỞNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
CHỖ 3

(Đính kèm Thông báo số 109/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/ 01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/ 01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Trương Phúc Gia An	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	MAI LE TRUC GIANG	Mẹ	
02	Quảng Khánh Ân	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	QUANG VAN PHUONG BINH	Cha	
03	Bùi Nhất Anh	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	DANG THI LE HUYEN	Mẹ	
04	Võ Ngọc Trâm Anh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	MAC KIM CUC	Mẹ	
05	Trần Quốc Đô	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	BAO THI KIM THAO	Mẹ	
06	Khúc Đình Gia Hân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	KHUC DINH HUY PHONG	Cha	
07	Phan Ngọc Khả Hân	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	LUONG THI THUY NGAN	Mẹ	
08	Chung Chấn Huy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO HONG NGOC	Mẹ	
09	Lê Trần Thiên Kim	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI THUY DUONG	Mẹ	
10	Cù Thảo Linh	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI MY NGOC	Mẹ	
11	Lý Mỹ Loan	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LY NGOC SANG	Cha	
12	Nguyễn Huỳnh Hà My	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HUYNH HONG LAN	Mẹ	
13	Phạm Huy Nam	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAM VAN THAO	Cha	
14	Nguyễn Bảo Ngọc	0	0	-	-	4.500			22.000	27.000	53.500	TRAN THANH HOANG	Ông Ngoại	
15	Nguyễn Trần Khánh Nguyên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN VAN ĐONG	Cha	
16	Lý Minh Nhật	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	PHAM THI YEN PHI	Mẹ	
17	Hoàng Lê Thảo Nhi	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE THI THUY NHUNG	Mẹ	
18	Lê Hoàng An Nhiên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE THI THANH HONG	Mẹ	
19	Ngũ Cát Nam Phương	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGU VINH SO	Cha	
20	Dương Nguyễn Đăng Quang	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DUONG THIEN PHU	Cha	
21	Lê Trần Như Quỳnh	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI THANH TRANG	Mẹ	
22	Trương Võ Như Quỳnh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRUONG MINH THAO	Cha	
23	Phan Ngọc Kim Thảo	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAN ANH TUAN	Cha	
24	Phạm Hoàng Thiên	6	0	210.000	-	4.500			22.000		236.500	NGUYEN THI LOAN	Mẹ	
25	Nguyễn Phước Thịnh	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN THI KIM HONG	Mẹ	
26	Đinh Lê Anh Thư	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	DINH ANH QUANG	Cha	
27	Dương Lê Kim Thùy	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	LE THI TUYET NGA	Mẹ	
28	Huỳnh Bảo Thy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI XUAN TRANG	Mẹ	
29	Nguyễn Trần Ngọc Trinh	9	0	315.000	-	4.500			22.000	65.500	407.000	TRAN THI KIM TUOI	Mẹ	
30	Huỳnh Ngọc Như Ý	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAN THI THUY TRANG	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG





ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
CHỖ 4

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Hồng Nguyễn Quốc Ân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HONG QUOC THINH	Cha	
02	Nguyễn Minh Đức	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THAI CHUONG	Cha	
03	Trần Thuần Hiếu	4	3	140.000	34.500	4.500			22.000		201.000	TRAN THI NGOC HUYEN	Mẹ	
04	Đoàn Tuấn Khang	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	TRINH TUYET LOAN	Đi	
05	Nguyễn Minh Khang	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	VO THI BICH THUY	Bà Ngoại	
06	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	1	0	35.000		4.500			22.000		61.500	PHAM THI TU	Mẹ	
07	Nguyễn Thành Long	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LA THI MY TIEN	Mẹ	
08	Nguyễn Trần Kim Nga	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN VAN THANH	Cha	
09	Nguyễn Thị Ngọc Ngà	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN KHAC MY	Cha	
10	Trương Tuệ Nghi	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	PHAM THI THANH THAO	Mẹ	
11	Nguyễn Khôi Nguyên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN VAN BAC	Cha	
12	Lê Trần An Nhiên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI HIEU HANH	Mẹ	
13	Nguyễn Tấn Phát	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN THI THANH HOA	Mẹ	
14	Nguyễn Tấn Gia Phúc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN TAN CUONG	Cha	
15	Phạm Minh Quân	3		105.000	-	4.500			22.000		131.500	PHAM CONG PHI	Cha	T5 nghỉ, T4 nghỉ 3 ngày ăn trưa
16	Trần Nhật Quang	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	TRAN NHAT CUONG	Cha	
17	Lê Hồng Thắm	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE HUNG PHU	Cha	
18	Nguyễn Tuấn Thiện	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THI BICH TRAM	Mẹ	
19	Lê Vũ Phúc Thịnh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE THI BICH HIEN	Mẹ	
20	Huỳnh Ngọc Uyên Thu	11	0	385.000	-	4.500	85.000	165.000	22.000		661.500	HO THE HIEN	Cha	Học 09/20 ngày, hoàn trả 50% tiền
21	Nguyễn Ngọc Cẩm Tiên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN HOANG THIEN	Bác	
22	Nguyễn Lê Quốc Tiến	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	LE THI HONG NGOC	Mẹ	
23	Nguyễn Hoàng Anh Tú	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	NGUYEN HUY HOANG	Ông Nội	
24	Nguyễn Phạm Khánh Vân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAM THI HONG YEN	Mẹ	
25	Trần Thúy Vy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN TIEU LONG	Cha	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
CHỖ 5

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Nguyễn Ngọc Thiên An	0	0	-	-	4.500			22.000	- 1.000	25.500	NGUYEN NGOC BINH	Mẹ	
02	Nguyễn Thiên Ân	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	VO THI NGOC THANH	Bà Nội	
03	Nguyễn Đăng Tú Anh	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	DANG THI LE	Mẹ	
04	Thái Kim Anh	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	LUONG GIA NHU	Mẹ	
05	Lê Hoàng Thiên Bảo	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	LE TIEN DAT	Cha	
06	Trần Khắc Bảo Châu	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI TUYET MINH	Chị	
07	Trần Hải Đăng	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAM THI THANH THUY	Mẹ	
08	Lê Ngọc Thành Đạt	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	MAI THI QUY	Mẹ	
09	Lê Nguyễn Ngọc Hân	6	2	210.000	23.000	4.500			22.000		259.500	LE KHANH DUONG	Cha	
10	Phạm Gia Hân	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	PHAM THI THUY	Mẹ	
11	Lê Huỳnh Gia Huy	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE NGOC THANH SANG	Mẹ	
12	Nguyễn Hoàng Anh Huy	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	NGUYEN THI MY HANG	Mẹ	
13	Nguyễn Huỳnh Nhật Huy	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	NGUYEN ANH DUNG	Cha	
14	Ngô Hoàng Khiêm	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THI THUONG	Mẹ	
15	Nguyễn Anh Khoa	4	3	140.000	34.500	4.500			22.000		201.000	NGUYEN THI HONG DUNG	Mẹ	
16	Nguyễn Nhật Kiên	9	0	315.000	-	4.500			22.000		341.500	NGUYEN LY MINH TAM	Mẹ	
17	Lê Dương Phước Long	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	LE PHUOC NGUYEN	Cha	
18	Nguyễn Đức Nam	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN HONG NHUNG	Mẹ	
19	Nguyễn Hoàng Nam	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN NGOC HUYEN	Mẹ	
20	Phan Hồng Ngọc	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	NGUYEN THI HONG NHIE	Mẹ	
21	Trần Bảo Thanh Nguyên	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	TRAN VAN HUONG	Cha	
22	Nguyễn Vinh Phúc	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE THI THANH NGAN	Mẹ	
23	Đoàn Nguyễn Quốc Quy			-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI BICH HONG	Mẹ	
24	Trần Trí Thanh	8	0	280.000	-	4.500			22.000		306.500	LE THUY KIM NGAN	Mẹ	
25	Phan Nguyễn Mộc Trà	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	NGUYEN THI THUY TRANG	Mẹ	
26	Nguyễn Đăng Ngọc Trâm	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	DANG THI THU CUC	Mẹ	
27	Nguyễn Bảo Yến	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN PHAM THANH THUY	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
LÁ 1

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/ 01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/ 01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Đặng Nguyên An	8	0	280.000	-	4.500			22.000		306.500	ONG BAO NGAN	Mẹ	
02	Võ Hoàng Gia An	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI HONG HANH	Mẹ	
03	Nguyễn Duy Anh	13	11	455.000	126.500	4.500	85.000	165.000	22.000		858.000	DUONG THI THANH PHUONG	Mẹ	Học 07/20 ngày, hoàn trả 50% tiền PV
04	Phan Ngọc Minh Anh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO THI NGOC LE	Mẹ	
05	Nguyễn Dương Hồng Ánh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DUONG THI NGOC PHUONG	Mẹ	
06	Nguyễn Đức Bảo	2	0	70.000		4.500			22.000		96.500	NGO THI BICH THU	Mẹ	
07	Bùi Minh Đăng	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	BUI VAN DAT	Cha	
08	Trần Trúc Đào	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN TU LAP	Cha	
09	Lê Nguyễn An Di	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE VAN MAN	Cha	
10	Lê Nguyễn Minh Duy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN BICH NGOC	Mẹ	
11	Lê Quang Hải	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	LE THI NGOC HUYEN	Mẹ	
12	Nguyễn Hoàng Khả Hân	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN NGOC THAO TRAM	Mẹ	
13	Trương Huỳnh Gia Hân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HUYNH NGOC MY TIEN	Mẹ	
14	Trương Nguyễn Khả Hân	7	0	245.000	-	4.500			22.000		271.500	TRUONG HOAI TUAN AN	Cha	
15	Nguyễn Phan Quốc Huy	1	0	35.000	-	4.500			22.000	450	61.050	PHAN THI HONG THAM	Mẹ	
16	Phạm Đức Anh Khoa	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAM LE TUONG VY	Mẹ	
17	Đặng Anh Khôi	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	HO BICH NGAN	Mẹ	
18	Vũ Minh Khôi	8	3	280.000	34.500	4.500			22.000		341.000	NGUYEN DINH MY DUYEN	Mẹ	
19	Phan Ngọc Mỹ Kim	12	0	420.000	-	4.500	85.000	165.000	22.000		696.500	PHAN VAN HUNG	Mẹ	Học 08/20 ngày, hoàn trả 50% tiền PV
20	Nguyễn Phương Mai	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN THI PHUONG QUYEN	Mẹ	
21	Du Huê Mẫn	4	4	140.000	46.000	4.500			22.000		212.500	TRUONG THI HANG QUYEN	Mẹ	
22	Trần Hiếu Nghĩa	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN VAN HIEU	Cha	
23	Nguyễn Thảo Nguyên	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN KIM ANH	Mẹ	
24	Nguyễn Trần Khả Như	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN HUU THANH	Cha	
25	Nguyễn Hoài Phú	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN THI HONG PHUONG	Mẹ	
26	Nguyễn Thanh Phúc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI MAI PHUONG	Mẹ	
27	Hồ Quốc Tài	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO NGOC THUY TRANG	Mẹ	

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/ 01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/ 01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
28	Nguyễn Quốc Thịnh	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN QUOC THAI	Cha	
29	Đoàn Ngọc Minh Thư	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	DO MONG NGHI	Mẹ	
30	Nguyễn Hoàng Thiên Trúc	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	HOANG THI HIEN	Mẹ	
31	Nguyễn Gia Tuấn	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	LE PHUONG THAO	Mẹ	
32	Ngô Ngọc Khánh Vy	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRUONG THI NGOC	Mẹ	
33	Võ Phương Vy	2	1	70.000	11.500	4.500			22.000		108.000	HUA KIM PHUONG	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG





ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỞNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025

LÁ 2

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Nguyễn Ngọc Minh An	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE THI MY DUYEN	Mẹ	
02	Trương Ngọc Ánh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRUONG SON	Cha	
03	Đoàn Thạch Bảo	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DOAN TRUNG HIEU	Cha	
04	Lý Nguyễn Gia Bảo	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN NGOC THU BA	Mẹ	
05	Nguyễn Thiên Đăng	2	1	70.000	11.500	4.500			22.000		108.000	NGUYEN PHAM YEN NHI	Mẹ	
06	Nguyễn Xuân Đào	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	BUI THI MY HANG	Mẹ	
07	Phan Thanh Duy	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI BICH TUYEN	Mẹ	
08	Nguyễn Phùng Như Hà	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAM VAN PHONG	Cha	
09	Nguyễn Khả Hân	0	0	-	-	4.500			22.000	193.000	219.500	NGUYEN THANH HIEU	Cha	
10	Trần Ngọc Gia Hân	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN VAN QUANG	Cha	
11	Nguyễn Ngọc Thúy Hiền	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	BUINGOC THUY LOAN	Mẹ	
12	Nguyễn Thanh Hiền	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VU THI HIEN	Mẹ	
13	Nguyễn Gia Hưng	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DUONG BICH TUYEN	Mẹ	
14	Nguyễn Quốc Huy	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	DINH THI PHUONG THUY	Mẹ	
15	Vũ Minh Huy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TU THI THANH HAI	Mẹ	
16	Lý Minh Khang	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	NGUYEN MINH PHUONG	Mẹ	
17	Nguyễn Hồ Minh Khôi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN NGOC DIEN SON	Cha	
18	Nguyễn Huỳnh Anh Khôi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN VIET ANH	Cha	
19	Lương Hoàng Long	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DO KIM TRINH	Mẹ	
20	Vũ Quang Minh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VU QUANG TRUNG	Cha	
21	Lê Thành Nam	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	HUYNH THI TU QUYEN	Mẹ	
22	Phạm Phương Nghy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI HONG PHUONG	Mẹ	
23	Lê Trương Minh Ngọc	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	DANG THI ANH QUYEN	Mẹ	
24	Nguyễn Bảo Ngọc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LY LE LAN	Bà Ngoại	
25	Đặng Tuệ Nhi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI BE BA	Di ruột	
26	Du Mẫn Nhi	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	TRAN THI DIEM PHI	Mẹ	
27	Nguyễn Thanh Phong	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	TRAN NGOC DIEP	Mẹ	
28	Nguyễn Duy Tuấn Phúc	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THI MAI HUONG	Mẹ	
29	Phạm Đức Tài	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAM HONG PHUOC	Cha	
30	Trần Nhã Cát Tiên	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	TRAN TAN PHUOC	Cha	

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
31	Bùi Hữu Tín	3	2	105.000	23.000	4.500			22.000		154.500	VO THI BICH THUY	Mẹ	
32	Bùi Ngọc Minh Uyên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DOAN THI HUYEN TRANG	Mẹ	
33	Thạch Ngọc Tường Vi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DANG THI NGOC QUYEN	Mẹ	
34	Lê Dương Nhã Vy	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	DUONG KIEU DIEM	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



111



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025

LÁ 3

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/ 01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/ 01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Nguyễn Cao Tú Anh	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	DOAN THI MINH NGUYET	Mẹ	
02	Nguyễn Lý Hoàng Huy	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	LY THI BICH THAO	Mẹ	
03	Trần Gia Huy	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN HOANG HAI	Cha	
04	Nguyễn Lê Anh Khôi	3	3	105.000	34.500	4.500			22.000		166.000	LE THI BAO NGOC	Mẹ	
05	Hồ Hào Kiệt	7	3	245.000	34.500	4.500			22.000		306.000	HO THI NGOC HAN	Mẹ	
06	Lê Ngọc Khánh My	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI NGOC NGA	Mẹ	
07	Nguyễn Huỳnh Khánh Ngọc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HUYNH THI LE HANG	Mẹ	
08	Nguyễn Ngọc An Nhi	3	3	105.000	34.500	4.500			22.000		166.000	LE THI MY HOANG	Mẹ	
09	Nguyễn Ngọc An Nhiên	3	3	105.000	34.500	4.500			22.000		166.000	LE THI MY HOANG	Mẹ	
10	Dương Lê Thiên Phú	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DUONG HOAI LONG	Cha	
11	Nguyễn Hồng Phúc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI LE HOA	Mẹ	
12	Phạm Minh Phúc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAM MINH KHANH	Cha	
13	Nguyễn Bảo Phước	8	3	280.000	34.500	4.500			22.000		341.000	LUONG THUY MY LINH	Mẹ	
14	Mai Ngọc Tài	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO THI BICH NGOC	Mẹ	
15	Nguyễn Xuân Thảo	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI KIEU OANH	Mẹ	
16	Nguyễn Minh Thiên	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THI THANH	Mẹ	
17	Nguyễn Phúc Thịnh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DO THI KIM HOA	Mẹ	
18	Trần Trương Hoài Thương	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRINH TRUONG SA	Mẹ	
19	Đặng Bảo Thy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI THU TRANG	Mẹ	
20	Mai Ngọc Tín	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO THI BICH NGOC	Mẹ	
21	Trần Trọng Tín	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE NGUYEN PHUONG THUY	Mẹ	
22	Nguyễn Thị Thanh Trâm	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THANH PHONG	Cha	
23	Trần Bảo Trân	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THI MY XUYEN	Mẹ	
24	Trần Quang Trí	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE NGUYEN PHUONG THUY	Mẹ	
25	Nguyễn Ngọc Minh Tú	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DO THI BICH NGOC	Mẹ	
26	Giang Mộng Cát Tường	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	CAO THI MONG LIEN	Mẹ	
27	Nguyễn Trần Phương Uyên	3	3	105.000	34.500	4.500			22.000		166.000	TRAN NGOC PHUONG DIEM	Mẹ	
28	Lê Trường Vũ	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI ANH MY	Mẹ	
29	Lê Võ Khánh Vy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO THI TRUC HA	Mẹ	
30	Nguyễn Lê Minh Vy	6	3	210.000	34.500	4.500			22.000		271.000	LE PHUC KHANG	Mẹ	
31	Nguyễn Lê Như Ý	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE THI PHUONG HANG	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025
LÁ 4

(Đính kèm Thông báo số 104/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Đặng Mỹ An	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	DANG THANH TRUNG	Cha	
02	Nguyễn Thị Kim Ân	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	NGUYEN MINH HIEU	Cha	
03	Dương Võ Minh Anh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO THI THUY PHUONG	Mẹ	
04	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	TRAN MINH TUAN	Cha	
05	Lâm Minh Bảo	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	MAI HONG PHUONG	Mẹ	
06	Trần Linh Chi	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	TRAN NGOC DINH	Cha	
07	Huỳnh Bảo Duy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HUYNH NGOC CHIEN	Cha	
08	Lâm Gia Hân	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI NGOC HUONG	Mẹ	
09	Nguyễn Khả Hân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LUU THI THU THAO	Mẹ	
10	Nguyễn Mai Khánh Hiền	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	PHAN THI MAI ANH	Mẹ	
11	Đào Tuấn Khải	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	VONG HONG CHI	Mẹ	
12	Trần Gia Khải	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	BUI THI TINH	Mẹ	
13	Đỗ Minh Khang	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	DO MINH THAI	Cha	
14	Lâm Gia Khánh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI NGOC HUONG	Mẹ	
15	Trần Thiên Kim	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HUA THI KIM CUC	Mẹ	
16	Huỳnh Vũ Phúc Lộc	4		140.000	-	4.500			22.000		166.500	VU THI MAI ANH	Mẹ	
17	Lê Tấn Lộc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE THANH PHONG	Cha	
18	Nguyễn Cao Minh	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN CAO KY DUYEN	Mẹ	
19	Đặng Ngọc Thảo My	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HO QUE CHI	Mẹ	
20	Trần Nhã My	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN VINH BINH	Cha	
21	Huỳnh Trần Như Ngọc	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI THANH DIEM	Mẹ	
22	Hồ Nguyễn Thảo Nguyên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI NGOC KHANH	Mẹ	
23	Bùi Lê An Nhiên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE THI NHU NGOC	Mẹ	
24	Nguyễn Ngọc An Nhiên	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	HO THI CAM THU	Mẹ	
25	Lê Nguyễn Khánh Như	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN PHAM TUYET NHUNG	Mẹ	
26	Nguyễn Thanh Phong	0	0	-	-	4.500			22.000	- 2.600	23.900	TRAN THI PHUONG CHI	Mẹ	
27	Dương Nguyễn Thanh Phúc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN DINH TUAN	Cha	
28	Nguyễn Ngọc Hà Phương	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN DAO DUY KHA	Cha	
29	Huỳnh Cao Anh Tài	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	CAO THI THUY AN	Mẹ	
30	Từ Cao Thành	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	TU NHUT LINH	Cha	
31	Lê Minh Hà Vy	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN NGOC TIFA	Mẹ	
32	Trần Trương Thủy Vy	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI NHIEU	Mẹ	



TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỞNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025

LÁ 5

(Đính kèm Thông báo số 18/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Vũ Hoàng Thiên Ân	3	3	105.000	34.500	4.500			22.000		166.000	BUI THI THUY QUYNH	Mẹ	
02	Ngô Ngọc Hương Anh	8	3	280.000	34.500	4.500			22.000		341.000	NGO THANH PHONG	Cha	
03	Nguyễn Ngọc Lam Anh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN NGOC BAO NGUYEN	Mẹ	
04	Phạm Bảo Anh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI HOANG NGHI	Mẹ	
05	Lê Hằng Hồng Ánh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HANG HONG TAM	Mẹ	
06	Lê Khánh Băng	2	0	70.000		4.500			22.000		96.500	NGUYEN THI THUY LINH	Mẹ	
07	Huỳnh Minh Bảo	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI NGOC YEN	Mẹ	
08	Lê Gia Bảo	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI THANH DIEU	Mẹ	
09	Đình Quỳnh Chi	0	0	-	-	4.500			22.000	8	26.508	DINH VAN HUONG	Cha	
10	Nguyễn Minh Đăng	5	3	175.000	34.500	4.500			22.000		236.000	NGUYEN XUAN SANG	Cha	
11	Phùng ý Đình	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI TRUC HA	Mẹ	
12	Nguyễn Tuấn Dũng	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGUYEN THAO CUC PHUONG	Mẹ	
13	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI KIEU OANH	Mẹ	
14	Hồ Nhật Hà	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	NGUYEN HONG THIA	Mẹ	
15	Lý Minh Hải	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LY TIEN VINH	Cha	
16	Đỗ Ngọc Khả Hân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN NGOC THU THAO	Mẹ	
17	Ngô Hoàng Phúc Hưng	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	LE THI NGOC THUY	Mẹ	
18	Lê Nguyễn Đăng Hy	3	2	105.000	23.000	4.500			22.000		154.500	NGUYEN VU THANH PHUONG	Mẹ	
19	Lý Chí Khang	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI HONG NHUNG	Mẹ	
20	Phùng Tuấn Khang	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN THI LUAN	Mẹ	
21	Phạm Huy Khánh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	PHAM HOANG NAM	Cha	
22	Huỳnh Tuấn Kiệt	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LAM THI NGOC TUYEN	Mẹ	
23	Trương Ngọc Tường Lam	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO CAO TUONG VY	Mẹ	
24	Lâm Ái Linh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LAM THI NGOC LOAN	Mẹ	
25	Nguyễn Thiện Minh	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	DANG NGOC HOAI LINH	Mẹ	
26	Nguyễn Lê Như Ngọc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE THI HANH DUNG	Mẹ	
27	Trương An Nhiên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI THANH THAO	Mẹ	
28	Ngô Gia Phát	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGO DUC CUONG	Cha	
29	Lê Minh Phúc	1	1	35.000	11.500	4.500			22.000		73.000	LE THI TUYET HAI	Mẹ	
30	Châu Đình Quốc Thái	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	CHAU QUOC THANG	Cha	
31	Nguyễn Hữu Thiện	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI TO TRAM	Mẹ	

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
32	Nguyễn Bùi Khánh Toàn	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	BUI THI MAI CHINH	Mẹ	
33	Nguyễn Lâm Thanh Trúc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN QUANG VINH	Cha	
34	Nguyễn Văn Tuấn	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	DINH THI DON	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CHI HOÀN TRẢ TIỀN HỌC SINH NGHỈ HỌC - NĂM HỌC 2024-2025

LÁ 6

(Đính kèm Thông báo số 04/TB-MNVH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Vườn Hồng)

STT	Họ và tên học sinh	Số ngày nghỉ học		Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/01 ngày)	Tiền suất ăn sáng (11.500đ/01 ngày)	Tiền nước uống	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	Tiền chuyển khoản thừa	Tổng cộng	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
		Ăn trưa bán trú	Ăn sáng											
01	Lê Quốc Anh	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	TRƯƠNG THI HONG NHUNG	Mẹ	
02	Nguyễn Lam Anh	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN MINH LOAN	Mẹ	
03	Huỳnh Bảo Hân	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	BUI THI KHANH PHUONG	Mẹ	
04	Võ Minh Hưng	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	VO MINH TUAN	Cha	
05	Nguyễn Trần Minh Khiêm	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN BE NGA	Mẹ	
06	Nguyễn Đăng Khoa	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	NGUYEN TAN PHUONG	Cha	
07	Trần Đăng Khôi	5	0	175.000	-	4.500			22.000		201.500	LE NHAT LAN	Mẹ	
08	Trần Minh Khôi	3	0	105.000	-	4.500			22.000		131.500	TRAN VAN MINH	Cha	
09	Phạm Ngọc Minh Khuê	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	CHUNG THI HONG LOAN	Mẹ	
10	Lê Hồ Tuấn Kiệt	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	HO MY PHUNG	Mẹ	
11	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE THI NGOC HUONG	Mẹ	
12	Tạ Phan Diệp Lâm	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	CAO MY LAN	Mẹ	
13	Tăng Khang Lâm	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN KIM HUONG	Mẹ	
14	Lê Ngọc Minh	2	0	70.000	-	4.500			22.000		96.500	LE NGOC DINH	Cha	
15	Lê Xuân Nghi	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	LE PHAN	Cha	
16	Nguyễn Hồ Bảo Ngọc	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	HO HUYNH MY TRINH	Mẹ	
17	Phạm An Nhiên	2	2	70.000	23.000	4.500			22.000		119.500	DINH THI MINH CHAU	Mẹ	
18	Vũ Phương Quỳnh Như	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI THU DIEU	Mẹ	
19	Nguyễn Tấn Phúc	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN TAN HAI	Cha	
20	Nguyễn Đan Phương	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI THANH PHUOC	Mẹ	
21	Lê Võ Minh Quân	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	LE MINH TAM	Cha	
22	Kiều Nguyễn Minh Tâm	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	NGUYEN THI HONG PHAN	Mẹ	
23	Trần Ngọc Anh Thư	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	BUI THI CAM NHUNG	Mẹ	
24	Trần Lê Cẩm Tiên	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN TRUNG TIN	Cha	
25	Đào Đình Trung	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	TRAN THI THUY TRANG	Mẹ	
26	Ngô Hoàng Gia Trung	1	0	35.000	-	4.500			22.000		61.500	NGO HOANG HUY BINH	Cha	
27	Nguyễn Minh Tường	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	TRAN THI CAM NHUNG	Mẹ	
28	Phạm Đình Tường	0	0	-	-	4.500			22.000	108.500	135.000	PHAM VAN SI	Cha	
29	Giang Ngọc Minh Vy	0	0	-	-	4.500			22.000		26.500	QUACH THI THANH THAO	Mẹ	
30	Loh Xile	4	0	140.000	-	4.500			22.000		166.500	HANG THI HUYEN CHI	Mẹ	

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG